TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **234**/2023/DS-PT Ngày: 27-7-2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết

Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê - Chức vụ: Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLPT-DS ngày 14/6/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2023/QĐ-PT ngày 11/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ: số 92 Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H: Ông Văn Công M, sinh năm 1994, (văn bản ủy quyền đề ngày 13/10/2022); địa chỉ: 166 đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: 41/5 Đường P, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ông D có mặt, bà T2 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T2: Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1979, (văn bản ủy quyền đề ngày 25/11/2022); địa chỉ: 41/5 Đường P, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trường T3, địa chỉ: Số 117 đường B, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Tấn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện,trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Văn Công M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày có nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Võ Thị H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Huỳnh Tấn D vay mượn tiền nhiều lần. Đến ngày 01/12/2021, hai bên tính toán để chốt lại nợ thì vợ chồng bà T2, ông D còn nợ lại bà Võ Thị H tổng số tiền là 303.600.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng bà T2, ông D trả dần số tiền nợ cho bà Võ Thị H, mỗi ngày trả 200.000 đồng/01 ngày, tính từ ngày 01/12/2021 cho đến khi trả hết nợ. Đến nay, vợ chồng bà T2, ông D mới trả được cho bà Võ Thị H số tiền 25.200.000 đồng còn nợ lại 278.400.000 đồng. Bà Võ Thị H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T2, ông D thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ nhưng vợ chồng họ vẫn cố tình không trả. Do đó, bà Võ Thị H đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Huỳnh Tấn D, trả cho bà Võ Thị H: Số tiền nợ gốc: 278.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2022 là 27.730.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xin rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng ông D, bà T2 trả cho bà số tiền nợ gốc chưa trả là 278.400.000 đồng .

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Tấn D trình bày có nội dung: Ông Huỳnh Tấn D xác định vợ chồng ông D, bà Nguyễn Thị Thanh T2 có quan hệ chơi huê và tiền góp với bà H, trong đó tiền huê là 282.550.000 đồng và còn lại là số tiền góp hàng ngày. Tổng cộng 303.600.000 đồng (ba trăm lẻ ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Ngày 26/11/2021, ba bên gồm ông, ông Nguyễn Trường T3 và bà Võ Thị H, có viết giấy đúng như trong giấy nợ thể hiện và thống nhất chuyển số nợ trên cho ông Nguyễn Trường T3. Ông đã trả cho ông Nguyễn Trường T3 số tiền 25.200.000 đồng. Sau đó ông T3 tự ngưng không thu nữa. Hiện nay bà H khởi kiện đòi vợ chồng ông số tiền nợ 278.400.000 đồng thì ông không đồng ý vì khoản nợ trên đã thống nhất chuyển cho ông Nguyễn Trường T3. Ông xác định vợ chồng ông còn nợ ông Nguyễn Trường T3 số tiền trên, không còn nợ bà H. Trường hợp ông T3 không nhận ông sẽ trả qua bên thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường T3 trình bày: Đối với vụ án trên ông D bà T2 có nợ của bà H một số tiền. Do bà H bận công việc nên có nhờ ông đi thu công nợ dùm cho bà H nhiều lần với số tiền thu được là: 25.200.000 đồng. Sau đó về ông giao lại toàn bộ cho bà H. Kể từ đó ông không qua lại hay liên lạc gì với ông D bà T2. Giữa ông và ông D, bà T2 không hề có việc vay mượn. Ông không nợ vợ chồng ông D, bà T2 và vợ chồng ông D, bà T2 cũng không nợ ông. Vợ chồng ông D, bà T2 chỉ nợ bà Võ Thị H chứ ông không liên quan gì đến công nợ mà hiện nay bà H đang khởi kiện ông D, bà T2. Do ông không liên quan gì đến việc này và do công việc bận nên ông xin từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong các buổi xét xử của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc là 278.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2023, bị đơn ông Huỳnh Tấn D có đơn Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá và cho rằng kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Tấn D là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo bị đơn ông Huỳnh Tấn D, giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Tấn D làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Tấn D thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà Võ Thị H số tiền 303.600.000 đồng. Ngày 26/11/2021 các bên tiến hành chốt nợ và bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Trường T3 thu hộ cho bà H. Ông D có nghĩa vụ đóng cho ông T3 mỗi ngày 200.000 đồng, kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi hết số nợ trên. Quá trình thu hộ, ông T3 và ông D đều thống nhất số tiền thu được là 25.200.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 278.400.000 đồng, ông D thừa nhận chưa trả cho ông T3. Bị đơn ông D cho rằng các bên đã thống nhất chuyển nợ từ bà H sang ông T3, ông không còn nợ bà H, và tại giấy xác nhận nợ mà bà Võ Thị H nộp có viết thêm đoạn: *"Tôi tên là Võ Thị H, sinh năm 1986, hiện tại ở số 92, Đường T, p T1, BMT. Tôi ủy quyền cho anh T3 thu hộ và sẽ lấy số tiền như trên về cho tôi"* và nội dung: *"còn ko đóng đều tôi thu nợ"* là những nội dung bà H tự viết thêm, nhưng ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Mặc khác, ông Nguyễn Trường T3 cũng xác nhận ông và ông D không có mối quan hệ vay mượn gì. Việc ông thu nợ của ông D là do bà H nhờ thu, bản thân ông không cho vợ chồng ông D, bà T2 vay và cũng không vay tiền của vợ chồng ông D, bà T2. Hiện ông không còn liên quan đến khoản nợ trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Tấn D là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Tấn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Tấn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Tuyên xử:*

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc là 278.400.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định tư pháp. Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định tư pháp sau khi thu được của ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T2.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 13.920.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền 7.653.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Văn Công M đã nộp thay bà H theo biên lai số AA/2021/0021748 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002025 ngày 19/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền